

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HS-ST
Ngày 30-08-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống;

Bà Võ Kiều Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Đặng Phú T, sinh năm 2004 tại **huyện V, Kiên Giang**. Nơi cư trú: **Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Phú T1** và bà **Lê Thị H**; bị cáo chưa có vợ và con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 28/5/2023 có hành vi trộm cắp tài sản, bị **Ủy ban nhân dân xã T** Đông xử phạt 2.500.000 đồng (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị bắt giữ ngày 08/6/2024, chuyển tạm giam từ ngày 11/6/2024 cho đến nay (bị cáo có mặt).

Bị hại: Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1968; Địa chỉ: **Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau** (có đơn xin vắng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Trương Tuấn E**, sinh ngày: 06/09/2009; Địa chỉ: **Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau** (vắng).

Người giám hộ cho **Tuấn E**: Bà **Trần Thị L1**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau** (là mẹ ruột, có đơn xin vắng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Mỹ S** là Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 23/01/2024, **Trương Tuấn E** – sinh ngày 08/7/2009 trú **Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau** rủ bị cáo **Đặng Phú T** đi đến nhà bà **Lê Thị L** trộm tài sản, vì thấy nhà không có người trông coi thì được bị cáo **T** đồng ý. Bị cáo và **Tuấn E** đi từ phía sau nhà bà **L** lên, **Tuấn E** lấy dao trong người cắt thiết chui vào và mở cửa cho bị cáo **T** đi vào nhà.

Tuấn E lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37F màu vàng để trong tủ, 04 bịch bột ngọt hiệu Vedan loại 0,5kg trên bếp và 01 bịch tôm khô; bị cáo **T** lấy bịch cà phê hiệu **Trần Q**, 01 cây thuốc Prince để trên bếp, 20 bịch yaourt trong tủ lạnh và bị cáo cầm túi nylon để **Tuấn E** bắt 36 con ếch (loại 3 đến 4 con/kg) được khoảng 09 ký ếch.

Tài sản trộm cả hai chia nhau sử dụng, bị cáo **T** lấy điện thoại và bột ngọt, còn ếch rọng dưới sông bị đứt dây trôi mất.

Bị mất tài sản bà **L** trình báo **công an xã T**. Qua xác minh thấy bị cáo và **Tuấn E** có nghi vấn nên mời làm việc, tại **công an xã T** và bị cáo **T** thừa nhận lấy trộm tài sản của bà **L**, bị cáo giao nộp điện thoại trả lại cho bà **L**.

Vụ án được khởi tố, bị cáo trốn khỏi địa phương, sau đó bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định tổng số tài sản trộm cắp có giá trị 1.885.400 đồng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 05/8/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn đã truy tố đối với **Đặng Phú T** về tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Viện kiểm sát đề nghị xử bị cáo **Đặng Phú T** về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **T** từ 06 đến 09 tháng tù.

Dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đề cập xử lý.

- Bị cáo **T** không có ý kiến đối với bản luận tội của Viện kiểm sát, đồng ý với tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố, hình phạt xin xem xét khi lượng hình để bị cáo sớm được trở về làm lo cho mẹ đang bị bệnh.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan: đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên là khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật **Tuấn E** mới 14 tuổi 06 tháng 05 ngày là chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, vì tài sản chiếm đoạt theo kết luận định giá 1.885.400 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Đặng Phú T** khai nhận đã có hành vi lén lút cùng với **Tuấn E** chiếm đoạt tài sản của bà **Lê Thị L**. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, không gian và địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với biên bản hiện trường, vật chứng do bị cáo giao nộp lại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo **Đặng Phú T** và **Tuấn E** đã có hành vi lén lút vào nhà bà **L** trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo cùng với các chứng cứ thu thập đã được xem xét tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh **Trương Tuấn E** có hành vi rủ bị cáo **Đặng Phú T** thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản nhà bà **L** thuộc **ấp H, xã T**, theo kết luận định giá tổng số tài sản có giá trị là 1.885.400 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo **T** đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định trong Bộ luật hình sự, tội phạm thực hiện đã hoàn thành.

[3] Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác không ai có quyền xâm hại một cách trái pháp luật, thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân là động cơ thúc đẩy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Đáng lý ra bị cáo lớn tuổi hơn **Tuấn E**, khi **Tuấn E** rủ trộm thì bị cáo phải nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, vì trước đó bị cáo đã bị xử phạt hành chính 01 lần; bị cáo không làm được việc đó, khi được rủ đi trộm bị cáo đồng ý ngay không từ chối. Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự và bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[4] Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, nhưng bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa nộp phạt, nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[5] Đối với **Trương Tuấn E**, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội thì **Tuấn E** được 14 tuổi 06 tháng 05 ngày là chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản nên Cơ quan **công an huyện N** ra quyết định xử phạt cảnh cáo là phù hợp.

[6] Bị cáo và **Tuấn E** phạm tội đồng phạm giản đơn, không có câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể mà chỉ là tự phát nên cáo trạng Viện Kiểm sát không truy tố bị cáo phạm tội có tổ chức là có căn cứ.

[7] Xét về nhân thân bị cáo: Mặc dù bị cáo không phải là người chủ động nhưng bị cáo trực tiếp thực hiện tội phạm, quá trình khởi tố vụ án bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do áp dụng tình tiết định khung đối với bị cáo nên không áp dụng tình tiết tăng nặng theo Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Hội đồng xét xử đã có sự cân nhắc và đánh giá mức độ, tính chất của vụ án cũng như căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và góp phần vào công tác phòng ngừa chung.

[9] Về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị mức là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận; tuy nhiên, Viện kiểm sát nhận định bị cáo phạm tội lần đầu để áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp như đã nhận định phần trên nên không được chấp nhận.

[10] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ được chấp nhận.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo và **Trương Tuấn E** chiếm đoạt Cơ quan điều tra đã thu hồi giao trả cho người bị hại, đồng thời gia đình của bị cáo đã bồi thường cho bị hại đầy đủ, bị hại không đặt ra yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[13] Bị hại và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của đương sự không trở ngại đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đặng Phú T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Phú T** 06 tháng tù, thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/6/2024. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo chấp hành bản án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Đặng Phú T** chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại và người liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Cà Mau;
- Sở tu pháp tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Công an ND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính